TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 79/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/10/2018
V/v:"Tranh chấp yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng, nuôi con của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng.
2. Bà Lê Thị Thận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lường Văn Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh BP.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên toà*:** Bà Mai Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân nhân dân huyện Đ, tỉnh BP. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 348/2018/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018, về việc "Tranh chấp về hôn nhân gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị H; Sinh năm 1987.(có mặt).
HKTT: ấp Đ, xã Q, huyện A, tỉnh AG.
Nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện B, tỉnh BP.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn B; Sinh năm 1988. (vắng mặt).
HKTT: Thôn 10, xã Đ, huyện B, tỉnh BP.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Đỗ Thị H trình bày: Chị và anh B tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 2004, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức đám cưới chị và anh B về sống chung với anh B và cha mẹ ruột anh B. Do cha mẹ anh B rất khó tính, đồng thời anh B không quan tâm đến vợ con nên chị nhiều lần bỏ về quê với cha mẹ; anh

B năn nỉ chị về tiếp tục chung sống nhưng không hạnh phúc vì anh B thường xuyên nhậu nhẹt bê tha không quan tâm chăm sóc vợ con; khoảng năm 2010 chị và anh B ra ở riêng trên bè dưới sông để nuôi cá lồng, thời gian này anh B vẫn thường xuyên nhậu nhẹt bê tha nên ngày 05/5/2016 chị đưa 02 con về thôn 2, xã Đ thuê nhà trọ sống cho đến nay. Từ khi ra nhà trọ ở anh B nhiều lần năn nỉ chị cho lên ở cùng, vì thương con nên chị đồng ý, nhưng chỉ một thời gian ngắn anh B lại nhậu nhẹt bê tha, đánh đập chị. Tuy nhiên, chị thấy lỗi một phần cũng do chị khi anh B nhậu say chị hay cằn nhằn. Nay chị thấy không thể tiếp tục chung sống với anh B nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết tuyên bố quan hệ giữa chị và anh B không phải là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Trần Thị Thúy H, sinh ngày 10/01/2007 và Trần Thanh Th, sinh ngày 04/8/2009 hiện nay hai cháu đang ở với chị. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung vì có công việc ổn định hiện làm nghề buôn bán cá sông thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 15.000.000đ; chị luôn thương yêu và chăm sóc cho con từ khi sinh ra cho đến nay. Chị yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con 500.000đ/con/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Về tài sản, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trần Văn B trình bày: Anh xác nhận về quá trình chung sống, không đăng ký kết hôn như chị H trình bày là đúng. Xác nhận tình trạng hôn nhân giữa anh và chị H đã đến mức trầm trọng, ngoài nguyên nhân mâu thuẫn như chị H trình bày thêm là do nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh và chị H đã sống ly thân trong thời gian dài là đúng, nay anh thống nhất theo yêu cầu của chị H đề nghị Tòa án tuyên bố quan hệ giữa anh và chị H không phải là quan hệ vợ chồng; giữa anh và chị H có 02 con chung là Trần Thị Thúy H, sinh ngày 10/01/2007 và Trần Thanh Th, sinh ngày 04/08/2009. Anh đồng ý để chị H nuôi dưỡng các con chung và anh nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con mỗi tháng 500.000đ, do không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, ngoài ra hiện nay anh còn chăm sóc cho cha mẹ vì cha mẹ đã lớn tuổi và thường xuyên ốm đau; Không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ trình bày ý kiến, quan điểm về vụ án: Việc Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như ý kiến của bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tình cảm: Chị H và anh B tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2004, nhưng cho đến nay không đăng ký kết hôn. Như vậy, quan hệ tình cảm giữa chị H và anh B không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Trong thời gian sống chung chị H và anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân do anh B thường xuyên nhậu nhẹt và nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm với người khác. Khoảng giữa năm 2016 mâu thuẫn anh chị trở nên trầm trọng và ly thân cho đến nay. Nay cả hai bên đều đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ tình cảm. Vì vậy, cần tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị H và anh B không phải là quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Chị H và anh B có 02 con chung là Trần Thị Thúy H, sinh ngày 10/01/2007 và Trần Thanh Th, sinh ngày 04/8/2009 hiện nay đang ở với chị H. Anh B và chị H thống nhất để chị H trực tiếp nuôi dưỡng các con chung vì chị H có công việc, thu nhập, nơi ở ổn định; luôn thương yêu và chăm sóc cho con từ khi sinh ra cho đến nay. Các con chung đều có nguyện vọng ở với chị H nên cần giao con chung của chị H và anh B cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Chị H và anh B thống nhất anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con mỗi tháng 500.000đ cho đến khi các con thành niên, nhưng do anh B không tham gia phiên tòa nên không có cơ sở ghi nhận mà cần tuyên chấp nhận yêu cầu của chị H, buộc anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung số tiền 500.000đ/con/tháng cho đến khi các con thành niên là phù hợp.

[3] Về tài sản, nợ chung: Chị H và anh B không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật; Bị đơn phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 14, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các điều 35, 147, 171; Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn; Tuyên bố quan hệ giữa chị Đỗ Thị H với anh Trần Văn B không phải là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Đỗ Thị H có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục 02 con chung là Trần Thị Thúy H, sinh ngày 10/01/2007 và Trần Thanh Th, sinh ngày 04/8/2009. Anh Trần Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị H nuôi con chung số tiền 500.000đ/con/tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi các con chung thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người

đó.

3. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp trước theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0022275 ngày 10/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh BP. Anh B có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Văn Huệ